

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-35

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 19/11/2014 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở của Công ty tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Nghiêm Xuân Đa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Phạm Công Dũng	Ủy viên	
Bà Hoàng Thị Hồng Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đăng Tú	Ủy viên	
Ông Triệu Quang Vinh	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Công Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Châu	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hồng Bích	Thành viên
Bà Trần Bạch Yến	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Công Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội được lập ngày 20 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0285-2013-002-1

Vũ Xuân Biên  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2014 (đã điều chỉnh)	
			31/12/2014 VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>361.421.542.961</b>	<b>223.538.847.379</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	44.333.813.202	7.841.206.220
111	1. Tiền		4.333.813.202	7.841.206.220
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		175.243.144.823	150.736.395.804
131	1. Phải thu của khách hàng		189.543.006.961	184.175.801.231
132	2. Trả trước cho người bán		30.354.099.228	8.169.492.228
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2.297.934.777	2.840.403.288
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(46.951.896.143)	(44.449.300.943)
140	IV. Hàng tồn kho	5	134.190.132.828	63.385.244.443
141	1. Hàng tồn kho		139.563.132.828	67.963.779.004
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.373.000.000)	(4.578.534.561)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.654.452.108	1.576.000.912
152	2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ		6.643.507.441	1.157.027.499
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	1.010.944.667	418.973.413
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>28.266.159.075</b>	<b>36.983.829.735</b>
220	II. Tài sản cố định		21.549.753.921	25.857.272.743
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	20.702.442.835	24.509.936.196
222	- Nguyên giá		56.438.319.715	57.968.863.542
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.735.876.880)	(33.458.927.346)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	726.542.060	1.226.567.521
228	- Nguyên giá		2.454.012.340	3.360.379.090
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.727.470.280)	(2.133.811.569)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		120.769.026	120.769.026
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	6.106.940.941	10.288.091.587
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11.920.600.000	11.920.600.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.813.659.059)	(1.632.508.413)
260	V. Tài sản dài hạn khác		609.464.213	838.465.405
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	569.464.213	794.465.405
268	3. Tài sản dài hạn khác		40.000.000	44.000.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>389.687.702.036</b>	<b>260.522.677.114</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>322.878.629.254</b>	<b>204.246.514.236</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>322.687.720.162</b>	<b>204.112.223.275</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	277.351.228.199	131.084.551.712
312	2. Phải trả người bán		8.374.487.884	46.191.598.101
313	3. Người mua trả tiền trước		5.933.958.523	11.236.182.680
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	17.354.963.014	8.075.151.651
315	5. Phải trả người lao động		4.750.391.416	3.492.043.696
316	6. Chi phí phải trả	13	5.670.112.000	247.811.818
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	3.112.830.609	3.563.530.900
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		139.748.517	221.352.717
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>190.909.092</b>	<b>134.290.961</b>
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		190.909.092	134.290.961
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>66.809.072.782</b>	<b>56.276.162.878</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>66.809.072.782</b>	<b>56.276.162.878</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.119.675.394	3.119.675.394
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		480.176.385	480.176.385
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(26.790.778.997)	(37.323.688.901)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>389.687.702.036</b>	<b>260.522.677.114</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014 (đã điều chỉnh)
4. Nợ khó đòi đã xử lý		706.108.654	706.108.654
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		1.062,62	1.062,62



Kiều Thị Thu Hương  
Người lập



Dương Thị Phương Hiền  
Trưởng phòng Tài chính kế toán




Phạm Công Dũng  
Tổng Giám đốc

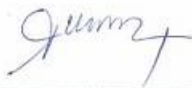
Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	
			Năm 2014 VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	2.122.986.810.340	1.655.633.036.967
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	682.351.727	389.986.625
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	2.122.304.458.613	1.655.243.050.342
11	4. Giá vốn hàng bán	19	2.068.675.058.374	1.625.062.704.212
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.629.400.239	30.180.346.130
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	5.060.820.051	10.432.114.906
22	7. Chi phí tài chính	21	13.111.532.066	14.251.642.406
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		7.627.943.186	11.475.966.543
24	8. Chi phí bán hàng	22	36.725.407.938	19.944.687.351
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	23.509.071.250	41.798.697.628
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.655.790.964)	(35.382.566.349)
31	11. Thu nhập khác	24	32.916.515.451	539.667.394
32	12. Chi phí khác	25	1.270.277.243	2.408.345.483
40	13. Lợi nhuận khác		31.646.238.208	(1.868.678.089)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.990.447.244	(37.251.244.438)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	6.457.537.340	72.444.463
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.532.909.904</u>	<u>(37.323.688.901)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.170	(4.147)

  
Kiều Thị Thu Hương  
Người lập

  
Dương Thị Phương Hiền  
Trưởng phòng Tài chính kế toán

  
Phạm Công Dũng  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	
			Năm 2014 VND	(đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.990.447.244	(37.251.244.438)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		4.506.466.563	4.072.765.873
03	- Các khoản dự phòng		7.478.211.285	28.179.497.490
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		9.451.964	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.423.112.601)	(273.572.888)
06	- Chi phí lãi vay		7.627.943.186	11.475.966.543
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.189.407.641	6.203.412.580
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(32.629.214.715)	27.712.136.610
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(71.599.353.824)	27.454.249.321
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(27.683.232.269)	(1.531.049.724)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		225.001.192	117.945.353
13	- Tiền lãi vay đã trả		(7.497.668.186)	(11.622.236.543)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.457.537.340)	(779.898.606)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.973.100	1.500.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(554.273.732)	(171.737.138)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(138.997.898.133)	47.384.321.853
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(671.617.273)	(7.228.225.699)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		29.754.545.455	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		141.236.678	273.572.888
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		29.224.164.860	(6.954.652.811)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.228.630.496.349	902.546.947.298
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.082.363.819.862)	(968.364.880.773)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(4.453.585.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		146.266.676.487	(70.271.518.475)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		36.492.943.214	(29.841.849.433)


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2014  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	
			Năm 2014 VND	(đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		7.841.206.220	37.683.055.653
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(336.232)	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>44.333.813.202</u>	<u>7.841.206.220</u>

  
Kiều Thị Thu Hương  
Người lập

  
Dương Thị Phương Hiền  
Trưởng phòng Tài chính kế toán



  
Phạm Công Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2014

**1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 19/11/2014 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở của Công ty tại: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Km 03 - Phan Trọng Tuệ - Thanh Trì - Hà Nội
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Hình	Số 53 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng	Km3 Phan Trọng Tuệ - Thanh Trì - Hà Nội
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Số 198 - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Số 109/53 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	Số 39 - Đường C27 - P. 12 - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Ngõ 67 - Ngõ Quyền - Máy Chai - Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính của các xí nghiệp, chi nhánh của Công ty là kinh doanh thương mại thép và các sản phẩm từ thép.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

**1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất sắt, thép, gang;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; dịch vụ phục vụ đồ uống; bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Rèn, đập, ép và các kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non; sản xuất than cốc;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, Vũ trường).
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán lẻ hàng hóa mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; (chi tiết: Thiết bị khóa, két sắt);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất giấy nhấn, bia nhân, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (chi tiết sản xuất bao bì từ plastic);
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác.

### 1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh chính, Công ty hoạt động chưa hiệu quả là do tồn tại của các năm trước để lại như: công nợ phải thu, đầu tư dài hạn, hàng tồn kho và các nguyên nhân khách quan của thị trường. Tuy nhiên, trong năm Công ty đã tiến hành chuyển nhượng một phần Quyền phát triển dự án tại Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án 75 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội (chi tiết tại Thuyết minh số 30- Thông tin khác) và ghi nhận khoản thu nhập từ chuyển nhượng với số tiền 30,5 tỷ đồng. Điều này dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm lãi 10,5 tỷ đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 20	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm



**2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.15 . Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**2.18 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	130.710.924	75.371.409
Tiền gửi ngân hàng	4.203.102.278	7.765.834.811
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	-
	<b><u>44.333.813.202</u></b>	<b><u>7.841.206.220</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 40 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình.

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.069.493	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	435.387.447	-
Phải thu về lãi chậm trả	-	1.274.990.863
Phải thu khác	1.859.477.837	1.565.412.425
	<b><u>2.297.934.777</u></b>	<b><u>2.840.403.288</u></b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	19.635.066.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	20.952.381
Hàng hoá	119.928.066.828	67.942.826.623
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.373.000.000)	(4.578.534.561)
	<b><u>134.190.132.828</u></b>	<b><u>63.385.244.443</u></b>

**6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	552.363.967	418.973.413
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	458.580.700	-
	<b><u>1.010.944.667</u></b>	<b><u>418.973.413</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2014	51.069.175.814	1.310.642.122	5.589.045.606	57.968.863.542
Mua sắm	-	458.891.818	-	458.891.818
Nâng cấp tài sản	212.725.455	-	-	212.725.455
Giảm khác (*)	(2.202.161.100)	-	-	(2.202.161.100)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>49.079.740.169</b>	<b>1.769.533.940</b>	<b>5.589.045.606</b>	<b>56.438.319.715</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2014	29.602.186.100	508.330.487	3.348.410.759	33.458.927.346
Trích khấu hao	3.547.337.651	202.666.700	480.304.720	4.230.309.071
Giảm khác (*)	(1.953.359.537)	-	-	(1.953.359.537)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>31.196.164.214</b>	<b>710.997.187</b>	<b>3.828.715.479</b>	<b>35.735.876.880</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2014	21.466.989.714	802.311.635	2.240.634.847	24.509.936.196
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>17.883.575.955</b>	<b>1.058.536.753</b>	<b>1.760.330.127</b>	<b>20.702.442.835</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm cho tài sản cố định dùng để chấp, đảm bảo các khoản vay: 14.016.036.446 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.222.577.178 đồng.

(\*) Tài sản giảm khác là các tài sản bán giao cho đối tác tại dự án 75 Tam Trinh theo biên bản bàn giao ngày 14/02/2014 (xem thuyết minh số 30).

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2014	3.125.379.090	235.000.000	3.360.379.090
Giảm khác (*)	(906.366.750)	-	(906.366.750)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>2.219.012.340</b>	<b>235.000.000</b>	<b>2.454.012.340</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2.054.228.229	79.583.340	2.133.811.569
Trích khấu hao	229.157.496	46.999.996	276.157.492
Giảm khác (*)	(682.498.781)	-	(682.498.781)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>1.600.886.944</b>	<b>126.583.336</b>	<b>1.727.470.280</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.071.150.861	155.416.660	1.226.567.521
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>618.125.396</b>	<b>108.416.664</b>	<b>726.542.060</b>

(\*) Tài sản giảm khác là các tài sản bán giao cho đối tác tại dự án 75 Tam Trinh theo biên bản bàn giao ngày 14/02/2014 (xem thuyết minh số 30).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>11.920.600.000</b>	<b>11.920.600.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	11.920.600.000	11.920.600.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(5.813.659.059)</b>	<b>(1.632.508.413)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	(5.813.659.059)	(1.632.508.413)
	<b><u>6.106.940.941</u></b>	<b><u>10.288.091.587</u></b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	Hưng Yên	42,14%	42,14%	Sản xuất và kinh doanh thép

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 43/NQ-HNS ngày 16 tháng 01 năm 2015, Công ty đã phê duyệt phương án tổ chức bán cổ phần đang nắm giữ của Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên với các nội dung sau:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng: 1.192.060 cổ phần
- Giá khởi điểm: 10.200 đồng/cổ phần
- Phương thức thực hiện chuyển nhượng: đấu giá công khai theo các quy định pháp luật hiện hành.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	794.465.405	899.024.395
Tăng trong năm	475.237.998	944.115.725
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(700.239.190)	(1.048.674.715)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>569.464.213</u></b>	<b><u>794.465.405</u></b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	380.192.715	358.277.035
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	115.247.386	254.438.369
Chi phí trả trước dài hạn khác	74.024.112	181.750.001
	<b><u>569.464.213</u></b>	<b><u>794.465.405</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	<b>277.351.228.199</b>	<b>131.084.551.712</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Ba Đình <sup>(1)</sup>	149.018.709.170	73.185.959.181
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Đống Đa <sup>(2)</sup>	62.047.500.483	16.571.672.342
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Bắc Hà Nội <sup>(3)</sup>	49.374.769.756	19.291.711.170
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội <sup>(4)</sup>	16.910.248.790	22.035.209.019
	<b>277.351.228.199</b>	<b>131.084.551.712</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 252/2014-HĐTDHM/NHCT124-HNS ngày 16 tháng 07 năm 2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 100 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh năm 2014;
  - + Thời hạn cho vay: ghi trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 4 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng khoản vay được giải ngân, lãi suất tại thời điểm 31/12/2014 là 6% đến 6,5%/năm;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tòa nhà làm việc 5 tầng tại 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội và toàn bộ vật kiến trúc tại Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01-08/HĐTCKK ngày 09/6/2008 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT126-HNS ngày 04 tháng 07 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 80 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: ghi trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 4 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng khoản vay được giải ngân, lãi suất tại thời điểm 31/12/2014 là 6,5% đến 7,5%/năm;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp theo 04 hợp đồng đảm bảo bằng tài sản là các tài sản gắn liền với đất tại Xã Tam Hiệp - Huyện Thanh Trì - Hà Nội; Thôn Huỳnh Cung, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội; Nhà A12 Khương Thượng phố Tôn Thất Tùng, Hà Nội; số 188- 190 phố Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Hà Nội.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 26/2014-HĐTDHM/NHCT129-HNS ngày 04 tháng 07 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 50 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: ghi trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 4 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng khoản vay được giải ngân, lãi suất tại thời điểm 31/12/2014 là 6,5% đến 7,5%/năm;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

## Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(4) Hợp đồng tín dụng số 01/14/HM/NHTMCPNH.HN ngày 25 tháng 06 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay: 60 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: tính theo từng phương án kinh doanh và ghi trên Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn nhưng không quá 04 tháng;
- + Lãi suất cho vay: theo lãi ghi trên giấy nhận nợ từng thời kỳ, lãi suất tại thời điểm 31/12/2014 là 7,5% đến 8%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: bao gồm Tài sản trên đất thuộc Quyền sử dụng đất số BA 495654 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2010, trị giá 1,46 tỷ đồng và 02 ô tô tổng trị giá 1,1 tỷ đồng.

## 12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	14.929.620	57.450.654
Thuế Thu nhập cá nhân	37.357.000	6.740.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	17.302.676.394	8.010.960.997
	<b><u>17.354.963.014</u></b>	<b><u>8.075.151.651</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	279.905.000	149.630.000
Trích trước chi phí giảm định, giao nhận, vận chuyển hàng hóa	5.390.207.000	-
Chi phí phải trả khác	-	98.181.818
	<b><u>5.670.112.000</u></b>	<b><u>247.811.818</u></b>

## 14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	23.880.318	23.880.318
Kinh phí công đoàn	13.206.299	11.139.134
Phải trả cổ tức cho cổ đông	79.795.000	79.795.000
Các khoản phải trả về Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	2.445.886.262	2.542.446.262
Quỹ từ thiện xã hội	-	51.616.711
Phải trả về chi phí thanh lý nhà Ba Hàng, Gia Lâm	-	7.000.000
Phải trả, phải nộp khác	550.062.730	847.653.475
	<b><u>3.112.830.609</u></b>	<b><u>3.563.530.900</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND			VND	VND	
Tại ngày 01/01/2013	90.000.000.000	3.119.675.394	480.176.385	4.579.461.405	98.179.313.184		
Lỗ trong năm	-	-	-	(37.323.688.901)	(37.323.688.901)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(79.461.405)	(79.461.405)		
Chia cổ tức	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)		
Tại ngày 31/12/2013	90.000.000.000	3.119.675.394	480.176.385	(37.323.688.901)	56.276.162.878		
Lãi trong năm	-	-	-	10.532.909.904	10.532.909.904		
Tại ngày 31/12/2014	90.000.000.000	3.119.675.394	480.176.385	(26.790.778.997)	66.809.072.782		

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014		Tỷ lệ (%)	01/01/2014	Tỷ lệ (%)
	VND	VND			
Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	80.431.501.000	80.431.500.000	89,37%	80.431.500.000	89,37%
Vốn góp của cổ đông khác	9.568.499.000	9.568.500.000	10,63%	9.568.500.000	10,63%
	90.000.000.000	90.000.000.000	100%	90.000.000.000	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>90.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>90.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.500.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>-</i>	<i>4.500.000.000</i>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>9.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.000.000</i>	<i>9.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.119.675.394	3.119.675.394
Quỹ dự phòng tài chính	480.176.385	480.176.385
	<b>3.599.851.779</b>	<b>3.599.851.779</b>

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.090.374.751.616	1.623.364.354.643
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.612.058.724	32.268.682.324
	<b>2.122.986.810.340</b>	<b>1.655.633.036.967</b>

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	111.760.990	-
Giảm giá hàng bán	318.511.457	389.986.625
Hàng bán bị trả lại	252.079.280	-
	<b>682.351.727</b>	<b>389.986.625</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	2.089.692.399.889	1.622.974.368.018
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	32.612.058.724	32.268.682.324
	<b><u>2.122.304.458.613</u></b>	<b><u>1.655.243.050.342</u></b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.044.509.627.948	1.602.243.208.130
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.370.964.987	18.240.961.521
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	794.465.439	4.578.534.561
	<b><u>2.068.675.058.374</u></b>	<b><u>1.625.062.704.212</u></b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	141.236.678	273.572.888
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.889.604.689	10.125.607.914
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	29.978.684	32.934.104
	<b><u>5.060.820.051</u></b>	<b><u>10.432.114.906</u></b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.627.943.186	11.475.966.543
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	23.008	115.307.679
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.288.276.084	1.027.859.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	9.451.964	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.181.150.646	1.632.508.413
Chi phí tài chính khác	4.687.178	-
	<b><u>13.111.532.066</u></b>	<b><u>14.251.642.406</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	154.767.859	122.396.668
Chi phí nhân công	9.239.999.424	10.245.080.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	78.476.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.741.884.873	8.940.281.232
Chi phí khác bằng tiền	588.755.782	558.452.735
	<b>36.725.407.938</b>	<b>19.944.687.351</b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.005.001.656	633.996.337
Chi phí nhân công	10.439.285.725	8.487.935.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.288.627.091	694.456.541
Thuế, phí, lệ phí	1.634.936.229	2.361.681.254
Chi phí dự phòng	2.502.595.200	22.220.454.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.552.352.614	3.921.349.267
Chi phí khác bằng tiền	3.086.272.735	3.478.824.157
	<b>23.509.071.250</b>	<b>41.798.697.628</b>

**24 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền góp vốn dự án (*)	30.500.000.000	-
Hoàn nhập chi phí thuế đất trích quá năm 2013	1.482.188.635	-
Thu nhập khác	934.326.816	539.667.394
	<b>32.916.515.451</b>	<b>539.667.394</b>

(\*) Xem chi tiết tại thuyết minh số 30.

**25 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng quyền góp vốn dự án (*)	1.218.124.077	-
Chi phí thuế đất và truy thu thuế	22.570.719	2.272.248.133
Chi phí khác	29.582.447	136.097.350
	<b>1.270.277.243</b>	<b>2.408.345.483</b>

(\*) Xem chi tiết tại thuyết minh số 30.

## 26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

## Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.990.447.244	(37.251.244.438)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.971.142.817	-
- Chi phí không hợp lệ	2.971.142.817	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	19.961.590.061	(37.251.244.438)
- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền phát triển dự án.	29.281.875.923	-
- Thu nhập tính thuế còn lại	(9.320.285.862)	(37.251.244.438)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	6.442.012.703	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	15.524.637	72.444.463
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.457.537.340</b>	<b>72.444.463</b>
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước vào chi phí thuế hiện hành	-	901.202.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	(193.748.243)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.457.537.340)	(779.898.606)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	10.532.909.904	(37.323.688.901)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.532.909.904	(37.323.688.901)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.170</b>	<b>(4.147)</b>

## 28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	641.937.999	756.393.005
Chi phí nhân công	19.271.868.979	18.924.041.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.506.466.563	4.061.237.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.332.015.451	13.310.711.467
Chi phí khác bằng tiền	28.719.878.358	26.511.620.431
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>83.472.167.350</b>	<b>63.564.004.080</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.333.813.202	-	7.841.206.220	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.840.941.738	(46.951.896.143)	187.016.204.519	(44.449.300.943)
	<u>236.174.754.940</u>	<u>(46.951.896.143)</u>	<u>194.857.410.739</u>	<u>(44.449.300.943)</u>
			Giá trị số kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			277.351.228.199	131.084.551.712
Phải trả người bán, phải trả khác			11.487.318.493	49.755.129.001
Chi phí phải trả			5.670.112.000	247.811.818
			<u>294.508.658.692</u>	<u>181.087.492.531</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.333.813.202	-	-	44.333.813.202
Phải thu khách hàng, phải thu khác	144.889.045.595	-	-	144.889.045.595
	<u>189.222.858.797</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>189.222.858.797</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.841.206.220	-	-	7.841.206.220
Phải thu khách hàng, phải thu khác	142.566.903.576	-	-	142.566.903.576
	<u>150.408.109.796</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>150.408.109.796</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	277.351.228.199	-	-	277.351.228.199
Phải trả người bán, phải trả khác	11.487.318.493	-	-	11.487.318.493
Chi phí phải trả	5.670.112.000	-	-	5.670.112.000
	<b>294.508.658.692</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>294.508.658.692</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	131.084.551.712	-	-	131.084.551.712
Phải trả người bán, phải trả khác	49.755.129.001	-	-	49.755.129.001
Chi phí phải trả	247.811.818	-	-	247.811.818
	<b>181.087.492.531</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>181.087.492.531</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . THÔNG TIN KHÁC**

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 687/2010/HĐHTĐT ngày 30/06/2010 và phụ lục hợp đồng số 01/2012/PL-HĐHTĐT ngày 27/03/2012, số 02/2013/PL-HĐHTĐT ngày 14/11/2013, Công ty đã hợp tác với Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng NHS để hợp tác đầu tư xây dựng Tổ hợp trung tâm thương mại văn phòng và nhà ở tại 75 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội với tổng chi phí đầu tư khái tính là 777,1 tỷ đồng; tổng giá trị vốn góp ít nhất là 115 tỷ đồng. Trong đó, Công ty góp bằng Quyền phát triển dự án tương ứng với 40,5 tỷ đồng, chiếm 35% các bên còn lại góp bằng tiền với giá trị lần lượt là 40,5 tỷ đồng và 34,5 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 35% và 30%.

Ngày 08 tháng 01 năm 2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 03/2014/PL-HĐHTĐT về việc chuyển nhượng một phần vốn của Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng NHS (1 trong 3 bên tham gia góp vốn) với tổng giá trị là 35,5 tỷ đồng, giảm tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Dự án này xuống còn 5%.

Trong năm 2014, Công ty đã tiến hành bán giao đất và các tài sản trên đất tại số 75 Tam Trinh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội cho đối tác và nhận được số tiền 30,5 tỷ đồng để ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ. Chi phí cho việc chuyển nhượng dự án là 1,22 tỷ đồng được ghi vào chi phí khác trong kỳ. Công ty và các bên liên quan đang đàm phán thống nhất lại giá trị của phần góp vốn 5% của Công ty vào Dự án. Sau khi thỏa thuận xong, Công ty sẽ ghi nhận phần chênh lệch còn lại vào các khoản mục có liên quan.

Theo thỏa thuận giữa các bên, khi dự án hoàn thành và có lợi nhuận, việc phân phối lợi nhuận của dự án như sau: Phần diện tích tăng hầm, tầng thượng mặt dịch vụ công cộng, phần diện tích sân vườn sẽ được phân chia theo hình thức phân chia lợi nhuận; phần căn hộ sẽ được phân chia theo hình thức phân chia sản phẩm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Ngoại trừ các thông tin như đã trình bày tại thuyết minh số 9. về các khoản đầu tư tài chính dài hạn, không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động bán hàng và hoạt động cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ hoạt động của toàn Công ty, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	21.818.180	-
Công ty Thép Miền Nam	(1)	12.567.042.300	55.405.329.700
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	(2)	33.889.040.400	-
Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	(2)	17.260.400	78.968.200
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)	(2)	173.386.395.000	22.195.127.000
Công ty CP Thép Thủ Đức	(2)	32.706.411.000	-
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	(2)	-	26.512.079.500
Công ty TNHH Thép Vinausteel	(3)	71.665.578.700	-
Công ty TNHH Thép VPS	(3)	59.065.119.900	-
Công ty CP Trúc Thôn	(3)	67.369.300	-
Công ty TNHH Thép Tây Đô	(3)	136.233.947.743	-
Công ty TNHH Natsteelvina	(3)	29.223.404.000	-
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(3)	230.979.948.658	-
<b>Mua hàng</b>			
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)	(2)	13.350.823.500	22.195.127.000
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	(2)	226.513.300	-
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	(3)	3.059.246.725	-
Công ty TNHH Ống Thép Việt Nam	(3)	12.016.460.000	22.195.127.000
Công ty TNHH Khoáng sản & Luyện kim Việt Trung	(3)	118.839.122.500	-
Công ty TNHH Thép Vinausteel	(3)	550.482.559.071	370.643.450.740
Công ty TNHH Thép VSC-POSCO	(3)	17.847.031.993	9.338.982.465
Công ty CP Kim khí TP Hồ Chí Minh	(3)	-	307.681.340

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
Công ty Thép Miền Nam	(1)	-	1.584.878.790
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa (Vicasa)	(2)	-	12.214.932.400
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	(2)	-	15.203.475.650
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	(2)	-	35.874.766.400
Công ty TNHH Thép Tây Đô	(3)	-	37.435.731.950
Công ty TNHH Thép Vinausteel	(3)	-	918.500
Công ty Cổ phần Trúc Thôn	(3)	-	596.018.390
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	(3)	116.143.433.822	-
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	(3)	23.892.000.000	-
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH Ông Thép Việt Nam	(3)	1.439.749.300	-
Công ty TNHH Thép VSC-POSCO	(3)	240.692.947	-
Công ty TNHH Thép Vinausteel	(3)	2.311.881.110	-

(1): Đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

(2): Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

(3): Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.047.087.000	1.039.315.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và được điều chỉnh hồi tố căn cứ trên Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2013 của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
		toán năm trước	theo báo cáo kiểm		
		VND	VND	VND	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Tài sản ngắn hạn	100	216.623.294.318	223.538.847.379	6.915.553.061	(9)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	142.513.801.853	150.736.395.804	8.222.593.951	(9)
Các khoản phải thu khác	135	47.577.197	2.840.403.288	2.792.826.091	(9)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(49.879.068.803)	(44.449.300.943)	5.429.767.860	(2)
Hàng tồn kho	140	63.182.255.333	63.385.244.443	202.989.110	(3)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(4.781.523.671)	(4.578.534.561)	202.989.110	(3)
Tài sản ngắn hạn khác	150	3.086.030.912	1.576.000.912	(1.510.030.000)	(8)
Tài sản ngắn hạn khác	158	1.929.003.413	418.973.413	(1.510.030.000)	(8)
Tài sản dài hạn	200	37.019.183.397	36.983.829.735	(35.353.662)	(9)
Tài sản cố định hữu hình	221	24.545.289.858	24.509.936.196	(35.353.662)	(9)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(33.423.573.684)	(33.458.927.346)	(35.353.662)	(4)
Tổng cộng tài sản	270	253.642.477.715	260.522.677.114	6.880.199.399	(9)
Nợ phải trả	300	205.906.608.357	204.246.514.236	(1.660.094.121)	(9)
Nợ ngắn hạn	310	205.772.317.396	204.112.223.275	(1.660.094.121)	(9)
Phải trả người bán	312	46.285.849.401	46.191.598.101	(94.251.300)	(5)
Người mua trả tiền trước	313	11.141.931.380	11.236.182.680	94.251.300	(5)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9.735.245.772	8.075.151.651	(1.660.094.121)	(6)
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	47.735.869.358	56.276.162.878	8.540.293.520	(9)
Vốn chủ sở hữu	410	47.735.869.358	56.276.162.878	8.540.293.520	(9)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(45.863.982.421)	(37.323.688.901)	8.540.293.520	(9)
Tổng cộng nguồn vốn	440	253.642.477.715	260.522.677.114	6.880.199.399	(9)
<b>Các chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>					
Nợ khó đòi đã xử lý		-	706.108.654	706.108.654	(7)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**

Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh theo báo cáo kiểm toán Nhà nước VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Giá vốn hàng bán	11	1.626.540.543.488	1.625.062.704.212	(1.477.839.276)	(3),(4)(6)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch Doanh thu hoạt động tài chính	20	28.702.506.854	30.180.346.130	1.477.839.276	(3),(4)(6)
Chi phí bán hàng	24	19.948.134.872	19.944.687.351	(3.447.521)	(1),(6)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	47.582.713.488	41.798.697.628	(5.784.015.860)	(2), (6)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(43.922.859.869)	(35.382.566.349)	8.540.293.520	(8)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(45.791.537.958)	(37.251.244.438)	8.540.293.520	(8)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(45.863.982.421)	(37.323.688.901)	8.540.293.520	(8)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.096)	(4.147)	949	(8)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	(45.791.537.958)	(37.251.244.438)	8.540.293.520	(8)
Khấu hao tài sản cố định	02	4.037.412.211	4.072.765.873	35.353.662	(8)
Các khoản dự phòng	03	33.812.254.460	28.179.497.490	(5.632.756.970)	(8)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước Tăng, giảm các khoản phải thu	08	3.260.522.368	6.203.412.580	2.942.890.212	(8)
Tăng, giảm các khoản phải trả	09	28.994.932.701	27.712.136.610	(1.282.796.091)	(8)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	129.044.397	(1.531.049.724)	(1.660.094.121)	(8)

- (1) Công ty hạch toán bổ sung lãi chậm trả của khách hàng và giảm trừ chi phí bảo hiểm ghi nhận thừa năm 2013.
- (2) Công ty hạch toán hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi.
- (3) Công ty hạch toán hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- (4) Công ty hạch toán bổ sung chi phí khấu hao bị trích thiếu của một số tài sản cố định năm 2013.
- (5) Công ty hạch toán bù trừ ứng trước - phải trả của cùng một đối tượng nợ chưa được bù trừ.
- (6) Công ty hạch toán giảm trừ chi phí thuế đất và hạch toán tăng chi phí thuế do khấu trừ thuế giá trị gia tăng
- (7) Công ty hạch toán bổ sung chi tiêu công nợ khó đòi đã xử lý của khách hàng.
- (8) Công ty trình bày lại tài sản thiếu chờ xử lý.
- (9) Các chỉ tiêu này thay đổi do ảnh hưởng của các chỉ tiêu khác có liên quan.

*Thuỳ*

Kiều Thị Thu Hương  
Người lập

*Quỳnh*

Dương Thị Phương Hiền  
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Công Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015